TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HC-ST
Ngày 13-5-2025
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Vấn và ông Trần Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:

Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 31/2025/TLST-HC ngày 18-3-2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HC ngày 25-4-2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt;

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ; địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quốc T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (Theo giấy ủy quyền số 15/GUQ-UBND ngày 31-3-2025) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hồng S – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đ – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

3.2. Bà Nguyễn Thị Đ; sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Phạm Xuân T trình bày:

Năm 1999, gia đình ông T khai hoang được một mảnh đất có diện tích khoảng hơn 08ha tại xã Đ nay là thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau

đó, gia đình ông T trồng cây cao su và keo lá tràm trên toàn bộ diện tích đất trên. Đến năm 2009 thì tôi ký hợp đồng giao khoán toàn bộ diện tích đất với Công ty Lâm nghiệp Đ (nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Th), mục đích để hợp pháp hóa thủ tục để sau này kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thuận lợi, dễ dàng hơn nhưng thực chất gia đình ông T đã khai hoang, canh tác sử dụng từ trước đó và toàn bộ chi phí đầu tư về cây giống, vật tư nông nghiệp do gia đình ông T tự bỏ chi phí hoàn toàn. Đến năm 2017, gia đình ông T đã đăng ký kê khai tại các thửa đất số 06, tờ bản đồ số 30 (diện tích 46.243,2m^2 CLN), thửa đất số 78, tờ bản đồ số 21 (diện tích 2.282,3m^2 CLN), thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20 (diện tích 969,2m^2 CLN) và được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số CI 115655, CI 115658, CI 115686 mang tên ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Đ. Sau đó, gia đình ông T làm thủ tục tách thửa đất số 06 thành 04 thửa đất mới thành thửa số 147, 148, 149, 150, tờ bản đồ số 30. Trên cơ sở này, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp GCNQSDĐ số CI 115999 ngày 03-11-2017, diện tích 31.931,2m^2 thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 30 cho vợ chồng ông T. Gia đình ông T canh tác, sử dụng ổn định toàn bộ diện tích trên, không tranh chấp gì với ai.

Ngày 11-10-2021, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1061/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 1061) về việc thu hồi GCNQSD đất của gia đình ông T đối với 02 GCNQSD đất số CI 115655, diện tích 969,2m^2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20 và GCNQSD đất số CI 115999 do sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03-11-2017, diện tích 31.931,2m^2 thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 30. Ngày 31-12-2021, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1386/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 1386) về việc cho gia đình tôi thuê các diện tích đất trên. Nhận thấy các quyết định trên là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T nên ông T khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy Quyết định số: 1061/QĐ-UBND ngày 10-11-2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Đ, thường trú tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đối với 02 GCNQSD đất số CI 115655, diện tích 969,2m^2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20 và GCNQSD đất số CI 115999 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03-11-2017, diện tích 31.931,2m^2 thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ 30; Hủy Quyết định số: 1386/QĐ-UBND ngày 31-12-2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc cho thuê đất nông nghiệp cho ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Đ.

2. Tại bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Ngày 04/6/2021, Thanh tra tỉnh Đắk Nông ban hành Kết luận số 99/KL-TTr về thanh tra công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện Đ, trọng tâm là thị trấn Đ, xã N, xã Tr, huyện Đ, trong đó có nội dung: *"Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ tham mưu thủ tục thu hồi các GCNQSDĐ cấp cho 04 hộ có nguồn gốc nhận giao khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP tại xã N; sau đó hướng dẫn hộ ông Phạm Xuân T thực hiện thủ tục xin thuê đất đối với diện tích đất trồng cây lâu năm (thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20, thửa đất số 78, tờ bản đồ số 21, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 30)…".* Thực hiện Kết luận Thanh tra nêu trên,

ngày 11-10-2021, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1061/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSD đất của gia đình tôi đối với 02 GCNQSD đất số CI 115655, diện tích 969,2m^2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20 và GCNQSD đất số CI 115999 do sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03-11-2017, diện tích 31.931,2m^2 thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 30 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Tại Công văn số 356/CV-CNĐS ngày 15-4-2025, người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Đắk Nông trình bày: Trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với các thửa đất của ông T, bà Định là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định.

3.2. Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chồng bà là ông Phạm Xuân T, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

1. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

2. Về nội dung: Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, nếu xác định hộ gia đình ông T sử dụng đất lấn chiếm của nông, lâm trường thì theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, hộ gia đình ông T đã được cấp GCNQSDĐ năm 2017. Nếu cho rằng phần diện tích đất của hộ gia đình ông T xuất phát từ hợp đồng giao khoán thì căn cứ điểm b,c khoản 2 Điều 15 Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ, hộ gia đình ông T cũng đủ điều kiện được xem xét cấp GCNQSDĐ. Đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định: *"Trường hợp cơ quan điều tra, cơ quan thanh tra có văn bản kết luận Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, nếu kết luận đó là đúng thì quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp; trường hợp xem xét, xác định Giấy chứng nhận đã cấp là đúng quy định của pháp luật thì phải thông báo lại cho cơ quan điều tra, cơ quan thanh tra"*. Tại Công văn số 356/CV-CNĐS ngày 15-4-2025, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Nông trả lời về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với các thửa đất của ông T, bà Định là đúng trình tự, thủ tục theo quy định nhưng UBND huyện Đ căn cứ Kết luận số 99/2021 của Thanh tra tỉnh Đắk Nông để ban hành Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 11-10-2021 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Đ với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 115655, diện tích 969,2m^2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 115999 do sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03-11-2017, diện tích 31.931,2m^2 thuộc

thửa đất số 148, tờ bản đồ số 30; Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 31-12-2021 cho gia đình ông T thuê các diện tích đất trên là trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 204; Điều 206; Điều 358 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 105 Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ; điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T. Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 24-12-2024, UBND huyện Đ ban hành Công văn số 261/UBND-TNMT về việc trả lời đơn kiến nghị đề ngày 17-12-2024 của ông Phạm Xuân T. Ngày 09-4-2025, UBND huyện Đ ban hành Công văn số 48/UBND-TNMT về việc trả lời đơn kiến nghị đề ngày 29-10-2024 của ông Phạm Xuân T. Ngày 07-3-2025, ông T khởi kiện vụ án là trong thời thời theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Về thẩm quyền: Ông Phạm Xuân T khiếu kiện Quyết định hành chính của UBND huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung: Xét tính có căn cứ và hợp pháp của Quyết định số 1061 và Quyết định số 1386:

[2.1]. Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Tại khoản 3 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *"Đối với những trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng mà thực hiện các quyền của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng thì do cơ quan tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của Chính phủ".* Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013 thì việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 105 của Luật này. Do đó, việc UBND huyện Đ ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CI 115999 của ông Phạm Xuân T và bà

Nguyễn Thị Đ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 03-11-2017 với diện tích 31.931,2m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ 30 là không đúng thẩm quyền, trái quy định của pháp luật.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Đối với nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20, diện tích 969,2m^2 và thửa đất số 148, tờ bản đồ số 30, diện tích 31.931,2m^2 (trước khi tách thửa thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 30, diện tích 46.243,2m^2):

1. Tại *"Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất"* đề ngày 31-7-2017 (bút lục số 57, 58), UBND xã N xác nhận: *"Nguồn gốc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20, diện tích 969,2m^2 và thửa đất số 06, tờ bản đồ 30, tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, diện tích 46.243,2m^2 do ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Đ kê khai có nguồn gốc* ***khai phá năm 1999****"*.

2. Tại *"Biên bản tạm bàn giao diện tích rừng trồng năm 2008 cho hộ gia đình chăm sóc, quản lý bảo vệ"* ngày 03-6-2009 giữa Công ty Lâm nghiệp Đ và ông Phạm Xuân T (bút lục số 45, 46), Giám đốc Công ty Lâm nghiệp Đ ký xác nhận: *"Toàn bộ số diện tích rừng đã trồng mới năm 2008, kể cả cao su do hộ nhận khoán cày đất và bỏ 100% vốn cây trồng và hiện trạng trên trất có một lô xây dựng nhà trên đất rừng trồng"*.

3. Biên bản xem xét tại chỗ ngày 01-4-2025, các cơ quan chuyên môn đã xác định trên diện tích đất thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 30, diện tích 31.931,2m^2 (UBND huyện Đăk Song đã thu hồi GCNQSDĐ tại Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 11-10-2021) đã xác định có các loại cây trồng, cụ thể: *2000 cây keo lá tràm trồng năm 2004-2006, 700 cây sưa đỏ trồng năm 2000-2001, 300 cây tiêu trồng trên trụ gỗ năm 2004, 1500 cây tiêu trồng trên trụ sống năm 2014 ...; dãy nhà xưởng và trang trại được xây dựng vào năm 2010 và hàng năm được tu sửa lại (phía trên mái được lắp đặt dàn năng lượng mặt trời năm 2020)*.

4. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Diện tích đất trên gia đình ông T sử dụng có nguồn gốc chiếm của Lâm trường từ năm 1999 và sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

4.1. Tại điểm c khoản 2 Điều 22 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định như sau: *"2. Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty nông nghiệp, lâm nghiệp thì xử lý theo quy định như sau: c) Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất"*. Do đó, ngày 05-10-2017 UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số CI 115655 đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20, diện tích 969,2m^2 GCNQSDĐ số CI 115686 đối với thửa đất số 06, tờ bản đồ số 30, diện tích 46.243,2m^2 cho ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Đ là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ngày 12-10-2017, ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Đ đề nghị tách thửa đất số 06, tờ bản đồ số 30, diện tích 46.243,2m^2 GCNQSDĐ số CI 115686 thành 04 thửa đất mới. Trên cơ sở đó, ngày 03-11-2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp GCNQSDĐ số CI 115999 đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 30, diện tích 31.931,2m^2 là không trái với các quy định của pháp luật.

[2.2.2]. Xét Hợp đồng giao nhận khoán số: **06/2009** giữa Công ty Lâm nghiệp Đ và ông Phạm Xuân T, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Tại Quyết định số: 197/QĐ-UB ngày 15-01-2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk *"Về việc thu hồi quyền sử dụng đất của Lâm trường Th giao cho UBND huyện Đ quản lý"*; Biên bản bàn giao tổng thể diện tích đất rừng và đất nông nghiệp cho UBND các xã quản lý và bảo vệ **ngày 01-3-2006** (bút lục số 124, 125) ghi nhận việc bàn giao bao gồm đại diện các cơ quan: UBND huyện Đ, Hạt kiểm lâm, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng kinh tế, UBND các xã Tr, Đ1, N, Th, Đ2, Đ và các Lâm trường. Như vậy, Hợp đồng giao nhận khoán số: 06/2009 giữa Công ty Lâm nghiệp Đ và ông Phạm Xuân T được ký kết sau khi có biên bản bàn giao đất về cho UBND các xã quản lý là không phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp, Hợp đồng giao nhận khoán số: 06/2009 giữa Công ty Lâm nghiệp Đ và ông Phạm Xuân T được giao kết đúng quy định của pháp luật: Tại điểm b, c khoản 2 Điều 15 của Nghị định số: 118/2014/NĐ-CP ngày 17-12-2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp quy định đất phải thu hồi của các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương được ưu tiên giải quyết và xử lý như sau: "*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được tiếp tục sử dụng theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất"*; "*Diện tích giao không thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này không được cao hơn mức bình quân của các hộ dân sử dụng đất tại địa phương. Diện tích trên mức bình quân phải chuyển sang thuê đất".* Đối với trường hợp thuê đất: Tại khoản 2 Điều 129 Luật Đất đai năm 2013 quy định như sau: *"Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 10 héc ta đối với xã, phường, thị trấn ở đồng bằng; không quá 30 héc ta đối với xã, phường, thị trấn ở trung du, miền núi"*. Thực tế, diện tích ông T được UBND huyện cấp GCNQSDĐ không vượt quá hạn mức theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Kết luận số: 99/KL-TTr ngày 04-6-2021 của Thanh tra tỉnh Đắk Nông không kết luận ông T vi phạm quy định nào của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai.

[2.2.3]. Từ những, phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 11-10-2021 về việc thu hồi hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Đ và Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 31-12-2021 cho gia đình ông T thuê các diện tích đất trên là không phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T, buộc UBND huyện Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc cấp lại GCNQSDĐ cho ông Phạm Xuân T, bà Nguyễn Thị Đ theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), ông Phạm Xuân T tự nguyện chịu, đã nộp xong.

[5]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên UBND huyện Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 105; điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; điểm b, c khoản 2 Điều 15 Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17-12-2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T.

1.1. Hủy Quyết định số: 1061/QĐ-UBND ngày 10-11-2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Đ, thường trú tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 115655, diện tích 969,2m^2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 115999 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03-11-2017, diện tích 31.931,2m^2 thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ 30, tọa tạc tại: thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

1.2. Hủy Quyết định số: 1386/QĐ-UBND ngày 31-12-2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc cho thuê đất nông nghiệp cho ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Đ.

1.3. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Đ theo quy định của pháp luật phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Xuân T tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*, đã nộp xong.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hành chính sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả ông Phạm Xuân T số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002390 ngày 10-3-2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- UBND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ thụ lý; Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Quách Trọng Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Vấn **Trần Văn Hải** **Quách Trọng Sơn**